TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 324/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2021
V/v tranh chấp HNGĐ – "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Lũy

2. Ông Đặng Anh Đoan

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên sơ cấp**.**

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1985

Nơi cư trú: ấp An Nh, xã Nhơn M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Chị Trần Thị Ngọc S, sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp Tân Th, xã Tân Tr, huyện Phú T, tỉnh An Giang

(anh Ph xin vắng mặt, chị S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Ph trình bày: anh và chị S sau thời gian tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, sau đó đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 94/KH, quyển số

01/2014 ngày 29/4/2014. Vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, từ đó không thể tiếp tục chung sống nên chị S bỏ về cha mẹ ruột cho đến nay. Nay yêu cầu xin ly hôn với chị S

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Chị Trần Thị Ngọc S vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án, nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên chị S vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp nhau thường xuyên cải vả, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Ph yêu cầu ly hôn với chị S là có căn cứ phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ L (mẹ ruột anh Ph) và ông Trần Văn Cầu (cha ruột chị S), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về con chung: không có

Về tài sản không có tranh chấp nên không giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Ph yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, anh có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn chị Trần Thị Ngọc S đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng chị vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay chị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Tân Thạnh, xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Nên anh Ph khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Anh Ph xin ly hôn nên quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khỏan 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập do anh, chị tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân, đến tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vả, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2014 cho đến nay, thời gian ly thân anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ L (mẹ ruột anh Ph) và ông Trần Văn C (cha ruột chị S), nên anh Ph yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh Ph khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Ph và chị S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: anh Ph là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu Ph đối với chị Trần Thị Ngọc S.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Hữu Ph được ly hôn với chị Trần Thị

Ngọc S.

- Về quan hệ con chung: không có

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Hữu Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001955 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Trần Thị Ngọc S không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sư, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Tân Trung, H.Phú Tân, AG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Văn Chiến